TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh An Giang. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp K, xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ D trình bày:

Bà D và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An (cũ). Nay là xã H, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 30/12/2008. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, năm 2016 ông T về nhà cha mẹ ruột ở xã H, tỉnh Tây Ninh sinh sống, còn bà D và con chung về cha mẹ bà D ở An Giang sinh sống. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại hai lần mở phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ quan điểm đã trình bày và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T do vợ chồng đã sống ly thân và khả năng hàn gắn không còn. Yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T chủ yếu do bất đồng quan điểm, hiện đã sống ly thân mỗi người một nơi, ông T bỏ mặc bà D và con chung không giữ liên lạc, không tới lui nên khả năng hàn gắn không còn. Về công việc và thu nhập, hiện nay bà D đi làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc, không tham gia hòa giải và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị Mỹ D và Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuy nhiên, thực tế đời sống hôn nhân của các bên cho thấy, từ năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai bên đã ly thân kéo dài từ năm 2016 đến nay gần 10 năm không còn chung sống. Trong khoảng thời gian này không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ nghĩa vụ vợ chồng. Ngoài ra, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia tố tụng và không thể hiện bất kỳ thiện chí nào trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Thể hiện sự thờ ơ đối với quan hệ hôn nhân cũng như việc giải quyết vụ án, cho thấy khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng là hầu như không còn. Điều này cho thấy quan hệ vợ chồng đã thực sự rạn nứt, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân trong tình trạng hiện nay không

còn ý nghĩa thực tế và cũng không đảm bảo mục đích của chế định hôn nhân theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 30/12/2008, hiện chưa đủ 18 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu N sống ổn định cùng bà D, bà D là người trực tiếp chăm sóc, bảo đảm điều kiện sinh hoạt và học tập cho cháu. Bị đơn không tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để bảo đảm sự ổn định về tâm lý, điều kiện học tập và quyền lợi mọi mặt của cháu, cần giao con chung cho bà Ngô Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu, đây là sự tự nguyện nên cần được ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị Mỹ D về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa không rõ lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại H, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh) ngày 27/4/2011 nên là hôn nhân hợp pháp, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau và cương quyết ly hôn.

Đối với bị đơn, mặc dù Tòa án đã đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, mời hòa giải nhiều lần, tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn bỏ mặc không đến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã không còn tồn tại trên thực tế nên căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung gần tròn 18 tuổi hiện đang sống cùng bà D và con chung có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Bà D yêu cầu được nuôi con chung, ông T cũng không có tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà D.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà D có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Mỹ D về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Thanh T.

1.1. Về hôn nhân: Ngô Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 30/12/2008 cho bà Ngô Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà D).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Ngô Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0008080 ngày 17/10/2025 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặt kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9 - Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Điền-Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh